

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
Kỳ thi Tuyển sinh vào lớp 10 - Năm học 2025-2026
Khóa ngày: 06/6/2025
Hội đồng Phúc khảo

KẾT QUẢ PHÚC KHẢO

Stt	Số báo danh	Điểm thi	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Toán trước PK	Điểm Toán sau PK	Điểm Ngữ văn trước PK	Điểm Ngữ văn sau PK	Điểm tiếng Anh trước PK	Điểm tiếng Anh sau PK	Điểm môn chuyên trước PK	Điểm môn chuyên sau PK	Ghi chú
1	200255	THPT Gò Đen	Nguyễn An Nhật Nam	24/10/2010	3,25	3,25	4,50	<u>4,75</u>	3,75	3,75	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
2	200346	THPT Gò Đen	Phan Công Phúc	11/08/2010	5,50	5,50	2,50	2,50	3,75	3,75	---	---	
3	220028	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Huỳnh Anh	06/10/2010	---	---	5,75	<u>6,00</u>	---	---	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
4	220127	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Vạn Khánh Đan	15/04/2010	---	---	4,75	4,75	---	---	---	---	
5	220373	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Lê Ánh Kim Ngân	08/02/2010	2,75	2,75	---	---	---	---	---	---	
6	220436	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	06/02/2010	2,75	2,75	3,92	<u>4,25</u>	---	---	---	---	+ 0,33 Ngữ văn
7	220665	THPT Nguyễn Hữu Thọ	Phạm Thanh Thảo	24/04/2010	4,25	4,25	6,75	6,75	---	---	---	---	
8	240136	THPT Đức Hòa	Huỳnh Anh Hào	10/07/2010	4,75	4,75	5,50	<u>5,75</u>	6,75	6,75	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
9	240169	THPT Đức Hòa	Nguyễn Hoàng Huy	20/08/2010	6,50	6,50	4,75	4,75	6,25	6,25	---	---	
10	240214	THPT Đức Hòa	Võ Huỳnh Anh Khoa	15/03/2010	6,25	<u>6,50</u>	5,00	5,00	---	---	---	---	+ 0,25 Toán
11	240244	THPT Đức Hòa	Nguyễn Mai Quế Lâm	05/09/2010	8,25	<u>9,00</u>	---	---	---	---	---	---	+ 0,75 Toán
12	240333	THPT Đức Hòa	Nguyễn Lê Khánh Ngọc	27/05/2010	5,25	<u>5,50</u>	5,25	5,25	6,75	6,75	---	---	+ 0,25 Toán
13	240415	THPT Đức Hòa	Lâm Thiện Phước	13/07/2010	4,25	4,25	---	---	---	---	---	---	
14	240540	THPT Đức Hòa	Đặng Anh Trí	21/10/2010	5,50	5,50	6,75	6,75	---	---	---	---	
15	250038	THPT Võ Văn Tần	Nguyễn Thái Minh Anh	16/08/2010	---	---	---	---	4,00	4,00	---	---	
16	250121	THPT Võ Văn Tần	Nguyễn Ngọc Thiên Duyên	02/09/2010	4,25	<u>4,50</u>	5,42	5,42	2,50	2,50	---	---	+ 0,25 Toán
17	250122	THPT Võ Văn Tần	Hồ Thị Thùy Dương	13/04/2010	3,00	<u>3,25</u>	5,25	5,25	---	---	---	---	+ 0,25 Toán
18	250153	THPT Võ Văn Tần	Nguyễn Minh Đức	07/11/2010	2,25	2,25	6,00	6,00	---	---	---	---	
19	250203	THPT Võ Văn Tần	Trần Quốc Huy Hoàng	31/12/2010	3,00	3,00	5,25	5,25	3,75	3,75	---	---	

Stt	Số báo danh	Điểm thi	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Toán trước PK	Điểm Toán sau PK	Điểm Ngữ văn trước PK	Điểm Ngữ văn sau PK	Điểm tiếng Anh trước PK	Điểm tiếng Anh sau PK	Điểm môn chuyên trước PK	Điểm môn chuyên sau PK	Ghi chú
20	250285	THPT Võ Văn Tần	Nguyễn Bá Khôi	19/01/2010	2,50	2,50	3,50	<u>3,75</u>	---	---	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
21	250482	THPT Võ Văn Tần	Dương Văn Hải Phú	30/11/2010	3,00	3,00	5,25	5,25	---	---	---	---	
22	250504	THPT Võ Văn Tần	Võ Lê Ngọc Phương	03/012/2010	2,50	2,50	5,50	<u>5,75</u>	3,75	3,75	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
23	250627	THPT Võ Văn Tần	Thang Tuấn Thuận	29/08/2010	---	---	3,50	3,50	---	---	---	---	
24	250714	THPT Võ Văn Tần	Lê Nhã Uyên	08/08/2010	2,00	2,00	5,75	5,75	4,25	4,25	---	---	
25	260188	THPT Hậu Nghĩa	Nguyễn Thanh Hải	27/04/2010	3,75	3,75	3,25	3,25	---	---	---	---	
26	260228	THPT Hậu Nghĩa	Trần Thị Thu Hiền	19/12/2010	3,00	3,00	3,75	3,75	3,50	3,50	---	---	
27	260272	THPT Hậu Nghĩa	Nguyễn Kiều Như Huỳnh	17/05/2010	---	---	---	---	6,75	6,75	---	---	
28	260325	THPT Hậu Nghĩa	Nguyễn Hữu Khang	05/09/2010	5,75	<u>6,00</u>	3,50	3,50	---	---	---	---	+ 0,25 Toán
29	260366	THPT Hậu Nghĩa	Nguyễn Thanh Liêm	24/08/2010	2,75	2,75	4,25	4,25	2,75	2,75	---	---	
30	260457	THPT Hậu Nghĩa	Lê Thị Tuyết Ngân	02/01/2010	3,50	3,50	5,00	5,00	1,75	1,75	---	---	
31	260548	THPT Hậu Nghĩa	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	08/01/2010	1,25	1,25	5,00	5,00	---	---	---	---	
32	260585	THPT Hậu Nghĩa	Mai Tấn Phát	01/03/2010	2,00	2,00	4,25	4,25	3,75	3,75	---	---	
33	260723	THPT Hậu Nghĩa	Trương Quốc Thái	17/01/2010	1,50	1,50	4,50	4,50	4,25	4,25	---	---	
34	260897	THPT Hậu Nghĩa	Lê Anh Vũ	04/02/2010	4,00	4,00	3,00	3,00	2,25	2,25	---	---	
35	260945	THPT Hậu Nghĩa	Nguyễn Như Ý	11/05/2010	2,75	2,75	5,00	5,00	2,50	2,50	---	---	
36	270039	THPT An Ninh	Trương Tuấn Dinh	31/11/2010	2,50	2,50	3,25	3,25	2,75	2,75	---	---	
37	270123	THPT An Ninh	Ngô Anh Khoa	24/02/2010	2,00	2,00	2,50	2,50	3,00	3,00	---	---	
38	270130	THPT An Ninh	Tổng Đăng Khôi	23/01/2010	2,00	2,00	---	---	1,25	1,25	---	---	
39	270203	THPT An Ninh	Nguyễn Đức Nhật	11/11/2010	2,25	2,25	2,25	2,25	---	---	---	---	
40	270296	THPT An Ninh	Nguyễn Quốc Thái	25/01/2010	2,00	2,00	4,25	4,25	2,25	2,25	---	---	
41	270309	THPT An Ninh	Phan Nguyễn Hữu Thọ	15/05/2010	3,00	3,00	2,50	2,50	2,75	2,75	---	---	
42	310076	THPT Cần Giuộc	Dương Công Định	22/10/2010	---	---	6,00	6,00	2,50	2,50	---	---	
43	310099	THPT Cần Giuộc	Chung Thị Thanh Hằng	14/08/2010	4,50	4,50	5,25	<u>6,00</u>	5,50	5,50	---	---	+ 0,75 Ngữ văn

Stt	Số báo danh	Điểm thi	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Toán trước PK	Điểm Toán sau PK	Điểm Ngữ văn trước PK	Điểm Ngữ văn sau PK	Điểm tiếng Anh trước PK	Điểm tiếng Anh sau PK	Điểm môn chuyên trước PK	Điểm môn chuyên sau PK	Ghi chú
44	310100	THPT Cần Giuộc	Nguyễn Minh Hằng	31/07/2010	2,25	2,25	5,25	<u>5,75</u>	---	---	---	---	+ 0,50 Ngữ văn
45	310101	THPT Cần Giuộc	Nguyễn Ngô Minh Hằng	24/01/2010	3,25	3,25	4,75	<u>5,25</u>	3,75	3,75	---	---	+ 0,50 Ngữ văn
46	310105	THPT Cần Giuộc	Nguyễn Gia Hân	11/06/2010	5,00	5,00	6,00	6,00	---	---	---	---	
47	310142	THPT Cần Giuộc	Phạm Quốc Huy	06/12/2010	3,75	3,75	---	---	3,75	3,75	---	---	
48	310208	THPT Cần Giuộc	Trần Gia Minh	05/09/2010	6,50	6,50	4,50	<u>4,75</u>	3,25	3,25	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
49	310352	THPT Cần Giuộc	Phạm Hoàng Sang	29/06/2010	---	---	6,25	6,25	---	---	---	---	
50	310364	THPT Cần Giuộc	Nguyễn Quốc Tiến	29/03/2010	3,00	3,00	4,50	4,50	---	---	---	---	
51	310409	THPT Cần Giuộc	Mai Chí Thiện	18/05/2010	3,25	3,25	4,50	4,50	---	---	---	---	
52	310432	THPT Cần Giuộc	Nguyễn Ngọc Tuyết Thy	10/06/2010	4,00	4,00	5,00	5,00	3,00	3,00	---	---	
53	310449	THPT Cần Giuộc	Nguyễn Minh Triết	31/10/2009	4,75	4,75	---	---	6,75	6,75	---	---	
54	310459	THPT Cần Giuộc	Trần Ngọc Thảo Uyên	10/07/2010	3,00	3,00	4,50	<u>4,75</u>	3,75	3,75	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
55	310471	THPT Cần Giuộc	Lâm Cẩm Vy	24/08/2010	1,75	1,75	---	---	3,75	3,75	---	---	
56	320033	THPT Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Gia Bảo	17/10/2010	---	---	---	---	4,50	4,50	---	---	
57	320501	THPT Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Hồ Văn Thuận	20/02/2010	1,50	1,50	3,00	3,00	3,75	3,75	---	---	
58	320426	THPT Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Lê Minh Tâm	29/10/2010	---	---	5,25	<u>5,50</u>	---	---	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
59	330038	THPT Đông Thạnh	Nguyễn Văn Thanh Bình	19/01/2010	3,50	3,50	5,00	5,00	2,25	2,25	---	---	
60	330079	THPT Đông Thạnh	Nguyễn Minh Đạt	17/04/2010	3,00	3,00	4,50	4,50	3,25	3,25	---	---	
61	330081	THPT Đông Thạnh	Nguyễn Thành Đạt	20/11/2010	3,00	3,00	2,50	2,50	2,75	2,75	---	---	
62	330135	THPT Đông Thạnh	Nguyễn Quốc Huỳnh	21/10/2010	3,50	3,50	3,50	3,50	3,75	3,75	---	---	
63	330138	THPT Đông Thạnh	Võ Tuấn Hưng	13/01/2010	4,25	4,25	4,00	4,00	2,00	2,00	---	---	
64	330140	THPT Đông Thạnh	Lê Trần Kiều Hương	23/12/2010	---	---	3,00	<u>3,25</u>	---	---	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
65	330267	THPT Đông Thạnh	Lê Thị Xuân Nghi	03/06/2010	2,75	2,75	---	---	---	---	---	---	
66	330378	THPT Đông Thạnh	Lê Thị Huệ Phương	03/11/2010	2,25	2,25	3,25	<u>3,50</u>	2,75	2,75	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
67	330389	THPT Đông Thạnh	Hồ Phú Quốc	05/09/2010	3,75	3,75	4,50	<u>4,75</u>	2,00	2,00	---	---	+ 0,25 Ngữ văn

Stt	Số báo danh	Điểm thi	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Toán trước PK	Điểm Toán sau PK	Điểm Ngữ văn trước PK	Điểm Ngữ văn sau PK	Điểm tiếng Anh trước PK	Điểm tiếng Anh sau PK	Điểm môn chuyên trước PK	Điểm môn chuyên sau PK	Ghi chú
68	330450	THPT Đông Thạnh	Võ Thị Mai Thanh	15/06/2010	---	---	4,25	4,25	---	---	---	---	
69	330494	THPT Đông Thạnh	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	08/06/2010	3,25	3,25	4,25	4,25	3,25	3,25	---	---	
70	330530	THPT Đông Thạnh	Võ Ngô Tấn Trường	11/08/2010	1,75	1,75	---	---	---	---	---	---	
71	330538	THPT Đông Thạnh	Nguyễn Thúy Vân	25/12/2010	3,50	3,50	4,25	<u>4,50</u>	---	---	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
72	340015	THCS Nguyễn Thị Bảy	Nguyễn Gia Bảo	20/08/2009	2,50	2,50	3,25	3,25	4,00	4,00	---	---	
73	340055	THCS Nguyễn Thị Bảy	Nguyễn Thanh Giàu	06/07/2010	1,25	1,25	6,25	6,25	2,25	2,25	---	---	
74	340100	THCS Nguyễn Thị Bảy	Phan Nhật Khánh	13/10/2010	2,25	<u>2,50</u>	4,75	4,75	2,75	2,75	---	---	+ 0,25 Toán
75	340171	THCS Nguyễn Thị Bảy	Lê Minh Nhựt	29/10/2010	3,00	3,00	3,00	3,00	2,75	2,75	---	---	
76	340211	THCS Nguyễn Thị Bảy	Nguyễn Thành Tân	01/11/2010	2,50	2,50	3,25	<u>3,50</u>	3,75	3,75	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
77	340289	THCS Nguyễn Thị Bảy	Thân Đức Quốc Việt	21/10/2010	2,50	2,50	2,25	<u>2,50</u>	2,75	2,75	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
78	340307	THCS Nguyễn Thị Bảy	Trương Thị Kim Xuân	20/03/2010	2,00	2,00	5,00	<u>5,25</u>	2,75	2,75	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
79	340312	THCS Nguyễn Thị Bảy	Nguyễn Thị Kim Yến	19/12/2010	1,50	1,50	4,50	<u>4,75</u>	3,75	3,75	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
80	350163	THPT Rạch Kiến	Nguyễn Mỹ Huyền	03/01/2010	3,75	3,75	5,00	<u>5,25</u>	2,75	2,75	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
81	350252	THPT Rạch Kiến	Lương Nhật Long	17/04/2010	---	---	3,75	3,75	6,50	6,50	---	---	
82	350314	THPT Rạch Kiến	Mạc Tuyết Ngân	13/10/2009	2,25	2,25	5,25	5,25	---	---	---	---	
83	350456	THPT Rạch Kiến	Phạm Hoàng Quân	16/02/2010	3,00	3,00	4,25	4,25	---	---	---	---	
84	370252	THPT Cần Đước	Lê Châu Phú Quý	02/08/2010	7,75	7,75	6,25	6,25	3,00	3,00	---	---	
85	380023	THPT Chu Văn An	Dương An Bình	01/12/2010	3,00	3,00	2,50	2,50	---	---	---	---	
86	380035	THPT Chu Văn An	Trần Phúc Duy	01/02/2010	4,00	4,00	3,50	3,50	2,50	2,50	---	---	
87	380037	THPT Chu Văn An	Ngô Mỹ Duyên	15/05/2010	3,25	3,25	5,75	5,75	3,00	3,00	---	---	
88	380238	THPT Chu Văn An	Nguyễn Phát Thịnh	22/07/2010	3,75	3,75	4,00	4,00	4,00	4,00	---	---	
89	390128	THPT Long Hựu Đông	Võ Trọng Nghĩa	16/04/2010	---	---	2,50	2,50	2,25	2,25	---	---	
90	390198	THPT Long Hựu Đông	Nguyễn Thanh Thảo	15/04/2010	5,00	5,00	4,75	4,75	3,00	3,00	---	---	
91	110178	THPT Tân An	Bùi Thị Thúy Ngân	08/01/2010	6,25	6,25	6,75	6,75	---	---	---	---	

Stt	Số báo danh	Điểm thi	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Toán trước PK	Điểm Toán sau PK	Điểm Ngữ văn trước PK	Điểm Ngữ văn sau PK	Điểm tiếng Anh trước PK	Điểm tiếng Anh sau PK	Điểm môn chuyên trước PK	Điểm môn chuyên sau PK	Ghi chú
92	110344	THPT Tân An	Phạm Ngọc Minh Trâm	10/01/2010	2,25	<u>2,50</u>	8,50	8,50	6,75	6,75	---	---	+ 0,25 Toán
93	110363	THPT Tân An	Nguyễn Công Trường	28/06/2010	---	---	5,25	5,25	---	---	---	---	
94	120090	THPT Lê Quý Đôn	Trịnh Kim Hào	19/08/2010	3,50	3,50	6,50	<u>6,75</u>	3,00	3,00	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
95	120153	THPT Lê Quý Đôn	Ngô Đình Khang	17/11/2010	3,00	3,00	6,25	6,25	8,25	8,25	---	---	
96	120187	THPT Lê Quý Đôn	Nguyễn Đức Bích Lam	13/08/2010	5,00	5,00	5,50	<u>5,75</u>	6,50	6,50	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
97	120364	THPT Lê Quý Đôn	Lê Đình Quang	15/03/2010	3,75	3,75	---	---	---	---	---	---	
98	120465	THPT Lê Quý Đôn	Huỳnh Thị Minh Thy	14/09/2010	6,75	6,75	---	---	---	---	---	---	
99	130012	THPT Hùng Vương	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	21/05/2010	2,50	2,50	5,75	5,75	4,75	4,75	---	---	
100	130013	THPT Hùng Vương	Nguyễn Quỳnh Anh	14/12/2010	---	---	5,75	5,75	2,75	2,75	---	---	
101	130020	THPT Hùng Vương	Huỳnh Thiên Bảo	16/02/2010	4,25	4,25	5,00	5,00	3,00	3,00	---	---	
102	130132	THPT Hùng Vương	Bùi Đức Khánh	29/03/2010	4,00	4,00	5,50	<u>5,75</u>	---	---	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
103	130136	THPT Hùng Vương	Nguyễn Văn Khánh	01/08/2010	2,50	2,50	5,00	5,00	---	---	---	---	
104	130240	THPT Hùng Vương	Trần Tấn Phát	25/09/2010	---	---	3,25	3,25	---	---	---	---	
105	130347	THPT Hùng Vương	Lê Hồ Thiên	18/10/2010	3,50	3,50	3,25	3,25	3,25	3,25	---	---	
106	130381	THPT Hùng Vương	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	25/10/2010	4,00	4,00	5,25	5,25	3,75	3,75	---	---	
107	140043	THPT Nguyễn Thông	Trần Tuấn Châu	10/03/2010	2,50	2,50	2,00	2,00	---	---	---	---	
108	140088	THPT Nguyễn Thông	Trần Hải Đăng	06/05/2010	2,25	2,25	---	---	1,50	1,50	---	---	
109	140241	THPT Nguyễn Thông	Nguyễn Hoàng Minh	16/08/2010	2,25	2,25	4,00	<u>4,25</u>	4,75	4,75	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
110	140282	THPT Nguyễn Thông	Huỳnh Khánh Ngọc	25/02/2010	2,75	2,75	---	---	---	---	---	---	
111	140292	THPT Nguyễn Thông	Phan Thị Kim Ngọc	15/10/2010	1,75	1,75	2,75	2,75	3,25	3,25	---	---	
112	140347	THPT Nguyễn Thông	Nguyễn Tiến Phát	08/11/2009	3,25	3,25	4,50	<u>4,75</u>	3,00	3,00	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
113	140350	THPT Nguyễn Thông	Phan Lương Tấn Phát	17/04/2010	2,25	2,25	3,75	3,75	---	---	---	---	
114	140401	THPT Nguyễn Thông	Nguyễn Phú Sang	24/09/2010	2,25	<u>2,50</u>	4,00	4,00	4,75	4,75	---	---	+ 0,25 Toán
115	140433	THPT Nguyễn Thông	Nguyễn Hoàng Thuận Toàn	12/09/2010	1,25	1,25	5,00	5,00	4,75	4,75	---	---	

Stt	Số báo danh	Điểm thi	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Toán trước PK	Điểm Toán sau PK	Điểm Ngữ văn trước PK	Điểm Ngữ văn sau PK	Điểm tiếng Anh trước PK	Điểm tiếng Anh sau PK	Điểm môn chuyên trước PK	Điểm môn chuyên sau PK	Ghi chú
116	140438	THPT Nguyễn Thông	Huỳnh Anh Tuấn	13/09/2009	3,75	3,75	4,25	4,25	---	---	---	---	
117	140449	THPT Nguyễn Thông	Trần Quốc Thái	14/09/2010	1,75	1,75	6,25	6,25	3,00	3,00	---	---	
118	140462	THPT Nguyễn Thông	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	04/12/2010	5,50	5,50	2,75	2,75	2,50	2,50	---	---	
119	140513	THPT Nguyễn Thông	Phan Hồ Thùy Trang	29/12/2010	4,00	4,00	---	---	1,75	1,75	---	---	
120	140542	THPT Nguyễn Thông	Nguyễn Thanh Trúc	13/06/2010	3,00	3,00	5,00	<u>5,25</u>	---	---	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
121	140553	THPT Nguyễn Thông	Nguyễn Thành Trục	12/12/2010	2,25	2,25	4,00	4,00	4,25	4,25	---	---	
122	140578	THPT Nguyễn Thông	Nguyễn Ngọc Thanh Vy	10/02/2010	2,75	2,75	4,75	4,75	---	---	---	---	
123	150278	THPT Phan Văn Đạt	Nguyễn Thiện Trí	20/06/2010	2,25	2,25	5,00	<u>5,25</u>	1,25	1,25	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
124	170090	THPT Nguyễn Trung Trục	Nguyễn Anh Khôi	08/12/2010	3,50	3,50	3,50	3,50	3,00	3,00	---	---	
125	170195	THPT Nguyễn Trung Trục	Lê Nguyễn Thi Thiên	29/07/2010	---	---	3,50	3,50	2,25	2,25	---	---	
126	170209	THPT Nguyễn Trung Trục	Lê Nguyễn Bảo Thy	24/03/2010	3,25	3,25	---	---	1,75	1,75	---	---	
127	170244	THPT Nguyễn Trung Trục	Nguyễn Thảo Vy	02/05/2010	1,75	<u>2,00</u>	2,75	2,75	5,00	5,00	---	---	+ 0,25 Toán
128	400052	THPT chuyên Trần Văn Giàu	Đỗ Thanh Hương	11/09/2010	---	---	---	---	---	---	Tiếng Anh: 4.20	Tiếng Anh: 4.20	
129	400063	THPT chuyên Trần Văn Giàu	Trần Huỳnh Minh Khôi	21/04/2010	8,50	8,50	---	---	---	---	Tiếng Anh: 3.40	Tiếng Anh: 3.40	
130	400115	THPT chuyên Trần Văn Giàu	Trịnh Đoàn Tú Phương	04/07/2010	---	---	---	---	8,50	9,50	---	---	+1,0 Tiếng Anh
131	400169	THPT chuyên Trần Văn Giàu	Huỳnh Phương Vy	26/02/2010	---	---	6,75	<u>7,00</u>	---	---	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
132	400179	THPT chuyên Trần Văn Giàu	Hồ Võ Phương Anh	26/03/2010	---	---	---	---	---	---	Hóa học: 5.00	Hóa học: 5.00	
133	400229	THPT chuyên Trần Văn Giàu	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	27/09/2010	Bổ sung điểm 1.5 điểm khuyến khích (Giải nhất HKPD cấp tỉnh)								+1,5 điểm khuyến khích
134	400310	THPT chuyên Trần Văn Giàu	Huỳnh Lê Thị Diễm Hương	20/05/2010	---	---	---	---	---	---	Ngữ văn: 6.50	Ngữ văn: 6.50	
135	400394	THPT chuyên Trần Văn Giàu	Nguyễn Quốc An	07/07/2010	9,00	9,00	---	---	---	---	---	---	
136	400435	THPT chuyên Trần Văn Giàu	Huỳnh Bảo Hân	20/04/2010	7,25	7,25	7,25	7,25	---	---	---	---	
137	400498	THPT chuyên Trần Văn Giàu	Nguyễn Lê Tâm Như	10/05/2010	9,00	9,00	7,00	<u>7,25</u>	---	---	---	---	+ 0,25 Ngữ văn
138	400547	THPT chuyên Trần Văn Giàu	Hà Quang Vũ	24/02/2010	---	---	---	---	---	---	Toán: 4.00	Toán: 4.00	
139	030002	THPT Vĩnh Hưng	Lê Hoài An	21/12/2010	1,00	1,00	5,00	5,00	4,00	4,00	---	---	

Stt	Số báo danh	Điểm thi	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm Toán trước PK	Điểm Toán sau PK	Điểm Ngữ văn trước PK	Điểm Ngữ văn sau PK	Điểm tiếng Anh trước PK	Điểm tiếng Anh sau PK	Điểm môn chuyên trước PK	Điểm môn chuyên sau PK	Ghi chú
140	030064	THPT Vĩnh Hưng	Lê Nhật Hào	24/02/2010	---	---	4,00	4,00	---	---	---	---	
141	030073	THPT Vĩnh Hưng	Trần Trung Hậu	02/03/2010	2,50	2,50	4,75	4,75	2,25	2,25	---	---	
142	030088	THPT Vĩnh Hưng	Tô Nhật Huy	01/11/2010	1,75	1,75	5,00	5,00	2,75	2,75	---	---	
143	030093	THPT Vĩnh Hưng	Lê Đại Hưng	29/01/2010	1,50	1,50	---	---	---	---	---	---	
144	030155	THPT Vĩnh Hưng	Trần Thị Trà My	23/11/2010	---	---	5,50	5,50	---	---	---	---	
145	030231	THPT Vĩnh Hưng	Huỳnh Tấn Phúc	12/05/2010	3,00	3,00	4,25	4,25	2,00	2,00	---	---	
146	030259	THPT Vĩnh Hưng	Nguyễn Văn Minh Tài	21/07/2010	2,75	2,75	4,25	4,25	2,50	2,50	---	---	
147	030297	THPT Vĩnh Hưng	Đặng Thị Minh Thu	27/07/2010	0,75	0,75	5,50	5,50	2,75	2,75	---	---	
148	030299	THPT Vĩnh Hưng	Ngô Anh Thu	06/07/2010	1,50	1,50	---	---	1,50	1,50	---	---	
149	060029	THPT Thiên Hộ Dương	Vũ Tiến Công Danh	21/06/2010	2,75	2,75	6,00	6,00	3,25	3,25	---	---	
150	060061	THPT Thiên Hộ Dương	Nguyễn Ngọc Hân	08/10/2010	3,50	3,50	5,00	5,00	2,00	2,00	---	---	
151	060127	THPT Thiên Hộ Dương	Trần Thị Thúy Liễu	13/11/2010	---	---	5,50	5,50	4,50	4,50	---	---	
152	080109	THPT Tân Thạnh	Nguyễn Thụy Thiên Kim	20/10/2010	3,25	3,25	4,75	4,75	1,00	1,00	---	---	
153	080249	THPT Tân Thạnh	Phạm Thị Ngọc Phượng	14/03/2010	3,00	3,00	4,50	4,50	3,00	3,00	---	---	
154	080279	THPT Tân Thạnh	Võ Phước Tiến	31/08/2010	---	---	1,25	1,25	---	---	---	---	
155	080298	THPT Tân Thạnh	Nguyễn Minh Thái	19/10/2010	---	---	2,75	2,75	---	---	---	---	

Danh sách này có 155 thí sinh

Trong đó có:

- + 41 trường hợp thay đổi điểm.
- + 01 bổ sung điểm khuyến khích.

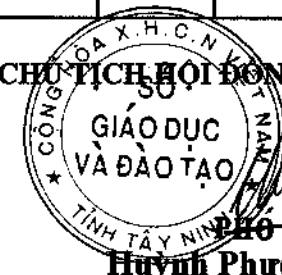
Người đọc điểm

Trần Thị Kiều Diễm

Người dò điểm

Lê Lữ Tuấn Anh

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG PHỤC KHẢO



PHÓ GIÁM ĐỐC
Huỳnh Phương Vũ